

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TUỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ - ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2022
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TUỜNG, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa, bà Đỗ Thị Phương Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Trần Chung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Khổng Thế L, Sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trước đó đã trình bày:

Chị kết hôn với anh Khổng Thế L ngày 09/9/2011, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong vợ chồng chị về ở chung cùng bố mẹ đẻ anh L. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2015 thì chị và anh L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh L không có trách nhiệm với vợ con, bỏ bê con cái, sống không chung thủy. Chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn

đã ở mức trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung: Cháu Không Nhật M, sinh ngày 25/3/2012; cháu Không Bảo A, sinh ngày 05/8/2015. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị nhất trí nộp cả.

Bị đơn anh Không Thế L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh L, nhưng anh L đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Trong quá trình chung sống chị N và anh L có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì gia đình và địa phương không nắm được. Hiện tại anh L đi làm nhưng đi làm ở đâu thì chính quyền địa phương và gia đình không biết. Thỉnh thoảng anh L vẫn về nhà thăm gia đình có gọi điện về cho gia đình, tuy nhiên gia đình và chính quyền địa phương không biết địa chỉ cụ thể của anh L hiện tại làm ở đâu. Anh L đã biết việc chị N có đơn xin ly hôn gửi Tòa án và anh L nhất trí ly hôn với chị N. Chị N và anh L có 02 con chung là các cháu: Không Nhật M, sinh ngày 25/3/2012; Không Bảo A, sinh ngày 05/8/2015. Hiện các cháu đang ở với chị N. Nay chị N xin ly hôn anh L, xin nuôi con chung, gia đình nhất trí và tôn trọng quyết định của chị N, về phía địa phương thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình làm việc tại Tòa án cháu Không Nhật M trình bày: Cháu là con của chị N và anh L. Hiện tại cháu đang ở với chị N. Nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị Nga đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Lịch là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Không Thế L. Về con chung: Giao cho chị N

được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Không Nhật M, sinh ngày 25/3/2012; Không Bảo A, sinh ngày 05/8/2015. Hiện các cháu đang ở với chị N. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp và công sức lao động các bên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Không Thế L và xin nuôi con. Bị đơn anh Không Thế L hiện có hộ khẩu và cư trú tại: Thôn P, xã Y, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Tại phiên tòa chị N và anh L vắng mặt, tuy nhiên chị Nga đã có đơn xin xét xử vắng mặt do chị phải đi làm xa và do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chị không về được. Đối với anh L, quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần và đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác minh tại địa phương nơi cư trú và người thân của anh L cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh L. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 để xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L đăng ký kết hôn với nhau ngày 09/9/2011, tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị N và anh L chung sống cùng bố mẹ anh L. Xem xét hôn nhân giữa chị N và anh L thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh L có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị N trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh L không có trách nhiệm với vợ con, bỏ bê con cái, sống không chung thủy. Chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, gia đình đã thông báo cho anh L biết việc chị N xin ly hôn và xin nuôi

con, nhưng anh L không có mặt tại Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa để trình bày ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng hay xin hàn gắn, đoàn tụ; không có ý kiến gì về con chung, tài sản, công nợ và đất nông nghiệp. Điều đó thể hiện thái độ không chấp hành pháp luật của anh L, nên anh L tự chịu trách nhiệm. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 02 con chung là các cháu: Không Nhật M, sinh ngày 25/3/2012; Không Bảo A, sinh ngày 05/8/2015 (hiện các cháu đang ở với chị Nga). Ly hôn chị Nga xin được nuôi cả hai cháu M và A, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh L không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con. Chị N hiện có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định do đó cần giao cháu M và cháu A cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] . Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức lao động: Chị N không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[6]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Không Thế L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Không Nhật M, sinh ngày 25/3/2012; Không Bảo A, sinh ngày 05/8/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Hiện cháu và cháu An đang ở cùng chị N). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0005389 ngày 14/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Thị Quỳnh